

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



Tháng 02 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch
Ông Bùi Kiều Hưng	Thành viên
Bà Trần Thị Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Thạc Hoài	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Kiều Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Danh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Nhị Hà	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Thế Tiến	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dung	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng	Kế toán trưởng
--------------------------	----------------

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Kiều Hưng
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Số: 78/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 11/02/2026, từ trang 06 đến trang 38 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hà Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2026



Trần Xuân Thường
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5801-2025-112-1

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.497.470.577	49.628.307.046
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.460.683.643	12.413.338.128
Tiền	111		18.460.683.643	7.413.338.128
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	4.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	4.000.000.000	4.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.416.347.544	27.062.537.644
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	23.054.556.156	24.286.016.300
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	929.280.000	2.336.312.900
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	911.634.170	2.040.051.843
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(1.829.152.633)	(1.949.873.250)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	350.029.851	350.029.851
Hàng tồn kho	140	V.6	2.301.157.731	2.937.059.976
Hàng tồn kho	141		2.301.157.731	2.937.059.976
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.319.281.659	3.215.371.298
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	2.131.701.080	646.804.435
Thuế GTGT được khấu trừ	152		182.294.934	2.568.566.863
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	5.285.645	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		259.928.759.223	265.399.917.618
Tài sản cố định	220		236.630.095.922	214.290.229.361
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	236.350.095.922	213.914.229.361
- Nguyên giá	222		725.800.130.415	674.726.494.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(489.450.034.493)	(460.812.265.091)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	280.000.000	376.000.000
- Nguyên giá	228		875.862.000	875.862.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(595.862.000)	(499.862.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	4.960.526.880	32.530.607.407
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.960.526.880	32.530.607.407
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.860.000.000	4.860.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	4.860.000.000	4.860.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		13.478.136.421	13.719.080.850
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	13.478.136.421	13.719.080.850
TỔNG TÀI SẢN	270		310.426.229.800	315.028.224.664

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		57.482.718.066	72.318.404.325
Nợ ngắn hạn	310		39.270.718.066	67.618.404.325
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	12.717.681.712	38.351.791.940
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	377.663.844	1.113.750.343
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.089.415.400	1.061.616.737
Phải trả người lao động	314		15.261.542.153	24.018.113.191
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		225.462.250	195.754.468
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2.432.750.033	298.296.581
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	6.324.000.000	1.720.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		842.202.674	859.081.065
Nợ dài hạn	330		18.212.000.000	4.700.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	18.212.000.000	4.700.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		252.943.511.734	242.709.820.339
Vốn chủ sở hữu	410	V.18	252.943.511.734	242.709.820.339
Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.172.000.000	215.172.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.172.000.000	215.172.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.206.298.524	9.789.366.731
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.565.213.210	17.748.453.608
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		903.187.969	829.471.327
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		24.662.025.241	16.918.982.281
TỔNG NGUỒN VỐN	440		310.426.229.800	315.028.224.664

Nghệ An, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Lữ Giáp

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Bùi Kiều Hưng

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	246.242.747.017	208.040.982.497
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		246.242.747.017	208.040.982.497
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	180.125.386.359	155.148.260.175
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.117.360.658	52.892.722.322
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.326.028.492	2.767.307.067
Chi phí tài chính	22	VI.4	1.901.642.050	1.105.264.079
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.790.291.935	884.478.346
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	39.804.232.727	33.441.452.018
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.737.514.373	21.113.313.292
Thu nhập khác	31	VI.6	1.010.913.362	190.270.539
Chi phí khác	32	VI.7	843.650.582	292.601.826
Lợi nhuận khác	40		167.262.780	(102.331.287)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.904.777.153	21.010.982.005
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	5.242.751.912	4.091.999.724
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.662.025.241	16.918.982.281
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.146	553
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	-	-

Nghệ An, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Lữ Giáp

Nguyễn Thị Thanh Hồng



Bùi Kiều Hưng

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		29.904.777.153	21.010.982.005
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		34.060.999.903	29.985.582.410
Các khoản dự phòng	03		(120.720.617)	340.289.657
(Lãi)/Lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(86.560.068)	(73.716.642)
(Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	05		(5.682.986.630)	(1.914.361.740)
Chi phí lãi vay	06		1.790.291.935	884.478.346
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59.865.801.676	50.233.254.036
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		3.613.621.390	10.165.442.322
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		635.902.245	(984.611.645)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		516.780.018	(151.660.809)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(1.243.952.216)	(5.903.172.703)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.767.606.784)	(884.478.346)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.152.235.447)	(4.177.438.654)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.555.884.423)	(2.124.508.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		53.912.426.459	46.172.825.901
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(59.727.103.573)	(24.852.864.223)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		780.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.083.309.589)	(4.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.083.309.589	4.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.821.834.098	1.914.361.740
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(54.125.269.475)	(22.938.502.483)

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		52.131.311.227	7.255.492.507
Tiền trả nợ gốc vay	34		(34.015.311.227)	(23.904.681.131)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.850.728.750)	(12.880.338.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.265.271.250	(29.529.526.624)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.052.428.234	(6.295.203.206)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	12.413.338.128	18.647.780.912
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.082.719)	60.760.422
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	18.460.683.643	12.413.338.128

Nghệ An, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Lữ Giáp

Nguyễn Thị Thanh Hồng



Bùi Kiều Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19/03/2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900325068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30/05/2023.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 215.172.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2025 là 215.172.000.000 đồng; tương đương 21.517.2000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 381 người (tại ngày 31/12/2024 là 393 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng; kinh doanh kho, bãi, dịch vụ Logistic.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho ngoại quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	Nghệ An	Bốc xếp, cho thuê kho bãi
Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	Nghệ An	Bốc xếp, cho thuê kho bãi

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp)

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác).

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản phải thu (tiếp)

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải	05 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 05
- Các tài sản khác	03 - 10

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

9. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phần gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 06 đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh, phù hợp doanh thu phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

14. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên cơ sở thời gian, lãi suất thực tế từng kỳ và thông báo hàng kỳ của ngân hàng; lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn của Luật thuế Giá trị gia tăng hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

21. Báo cáo bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ bốc xếp hàng hóa phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	5.276.201	6.537.118
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.455.407.442	7.406.801.010
- Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Cộng	18.460.683.643	12.413.338.128

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

(*) Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh với lãi suất 4,4%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
+ Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò	4.860.000.000	-	(*)	4.860.000.000	-	(*)
Cộng	4.860.000.000	-	(*)	4.860.000.000	-	(*)

Thông tin về Công ty liên kết tại ngày 31/12/2025:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập, hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò	Nghệ An	36%	36%	Kinh doanh vận tải, lai dắt tàu

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Đông Dương Logistics	5.178.075.509	-	3.748.606.711	-
- Công ty Vận tải Quốc tế Mê Kông	4.239.469.579	-	6.214.501.642	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển GLS	2.873.490.318	-	3.375.029.458	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xăng dầu Đức Thành	2.492.169.744	-	-	-
- Công ty TNHH Cảng Cửa Lò	1.337.654.444	-	616.908.390	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Namico	1.022.777.590	(1.022.777.590)	1.022.777.590	(1.022.777.590)
- Các khách hàng khác	5.910.918.972	(456.345.192)	9.308.192.509	(577.065.809)
Cộng	23.054.556.156	(1.479.122.782)	24.286.016.300	(1.599.843.399)
	29.585.874		70.680.540	

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

Chi tiết trình bày tại thuyết minh VII.2

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	649.080.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	151.200.000	-	-	-
- Công ty TNHH Phát triển Xây dựng và Thương Mại	-	-	1.456.800.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ Xây dựng Việt Phát	-	-	300.000.000	-
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam	-	-	189.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị nâng Hải Hà	-	-	115.500.000	-
- Các khoản trả trước khác	129.000.000	-	275.012.900	-
Cộng	929.280.000	-	2.336.312.900	-

Trả trước cho người bán là các bên liên quan:

Chi tiết trình bày tại thuyết minh VII.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng	-	-	142.670.000	-
- Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	23.145.205	-	78.750.000	-
- Phải thu Công đoàn	95.648.000	-	175.648.000	-
- Phải thu Bảo hiểm xã hội	311.321.265	-	305.897.127	-
- Phải thu thuế TNCN	60.228.529	-	1.281.054.502	-
- Phải thu khác	421.291.171	-	56.032.214	-
Cộng	911.634.170	-	2.040.051.843	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	2.130.532.334	-	2.627.806.452	-
- Công cụ, dụng cụ	170.625.397	-	309.253.524	-
Cộng	2.301.157.731	-	2.937.059.976	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tiền	350.029.851	(350.029.851)	350.029.851	(350.029.851)
Cộng	350.029.851	(350.029.851)	350.029.851	(350.029.851)

8. Nợ xấu

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND
Các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán						
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Namico	1.022.777.590	-	Trên 3 năm	1.022.777.590	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Bắc Sơn	289.444.738	-	Trên 3 năm	289.444.738	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	166.900.454	-	Trên 3 năm	297.939.674	10.318.603	Từ 2 năm đến trên 3 năm
Phải thu khác						
- Tài sản thiếu chờ xử lý	350.029.851	-		350.029.851	-	
Cộng	1.829.152.633	-		1.960.191.853	10.318.603	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2025	346.280.011.548	16.237.845.130	291.953.144.838	1.076.039.545	19.179.453.391	674.726.494.452
- Mua trong năm	7.220.850.638	-	48.989.627.778	190.388.048	-	56.400.866.464
- Thanh lý, nhượng bán	(468.390.000)	-	(4.378.969.120)	-	(479.871.381)	(5.327.230.501)
31/12/2025	353.032.472.186	16.237.845.130	336.563.803.496	1.266.427.593	18.699.582.010	725.800.130.415
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2025	(275.884.481.862)	(10.668.452.278)	(155.865.549.479)	(886.644.444)	(17.507.137.028)	(460.812.265.091)
- Khấu hao trong năm	(9.248.523.117)	(358.531.272)	(23.405.509.038)	(83.987.636)	(868.448.840)	(33.964.999.903)
- Phân loại lại khấu hao	5.058.651	(3.171.859.839)	3.171.859.839	-	(5.058.651)	-
- Thanh lý, nhượng bán	468.390.000	-	4.378.969.120	-	479.871.381	5.327.230.501
31/12/2025	(284.659.556.328)	(14.198.843.389)	(171.720.229.558)	(970.632.080)	(17.900.773.138)	(489.450.034.493)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2025	70.395.529.686	5.569.392.852	136.087.595.359	189.395.101	1.672.316.363	213.914.229.361
31/12/2025	68.372.915.858	2.039.001.741	164.843.573.938	295.795.513	798.808.872	236.350.095.922

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 235.453.303.928 đồng (tại ngày 31/12/2024: 259.448.102.050 đồng).

Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình đã dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là: 64.712.840.008 đồng (tại ngày 31/12/2024 là: 48.906.649.690 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	875.862.000	875.862.000
31/12/2025	875.862.000	875.862.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2025	(499.862.000)	(499.862.000)
- Khấu hao trong năm	(96.000.000)	(96.000.000)
31/12/2025	(595.862.000)	(595.862.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	376.000.000	376.000.000
31/12/2025	280.000.000	280.000.000

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 395.862.000 đồng (tại ngày 31/12/2024: 395.862.000 đồng).

11. Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	2.131.701.080	646.804.435
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	840.083.615	19.621.214
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.116.425.153	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	175.192.312	627.183.221
b) Dài hạn	13.478.136.421	13.719.080.850
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	69.491.292	702.519.187
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	11.073.565.881	12.200.918.848
- Phân bổ chi phí nạo vét vũng đậu tàu	-	111.789.001
- Chi phí trả trước dài hạn khác	2.335.079.248	703.853.814
Cộng	15.609.837.501	14.365.885.285

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công trình: Sửa chữa cải tạo kho số 2 - Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò (1)	4.164.230.584	4.164.230.584	-	-
- Công trình: Nạo vét Khu nước trước Cảng Bến Thủy (2)	46.296.296	46.296.296	46.296.296	46.296.296
- Công trình: Đầu tư 02 cầu trục chân đế cố định (cầu 1)	-	-	29.076.064.815	29.076.064.815
- Công trình: Sửa chữa Kho số 1 Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	-	-	3.351.950.000	3.351.950.000
- Công trình: Sửa chữa nâng cấp mặt cầu số 1	-	-	52.296.296	52.296.296
- Nâng cấp phần mềm	750.000.000	750.000.000	-	-
- Các công trình khác	-	-	4.000.000	4.000.000
Cộng	4.960.526.880	4.960.526.880	32.530.607.407	32.530.607.407

(1) Công trình: Sửa chữa cải tạo tại kho số 2 tại XNXD Cửa Lò do Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư là 8.992.502.000 đồng đồng, cụ thể:

- Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo chất lượng, kết cấu công trình, an toàn cho hàng hóa lưu kho. Căn cứ vào kết quả kiểm định tại kho số 1, áp dụng các khuyến nghị tương ứng cho kho số 2 (kho số 1 và kho số 2 có cùng thiết kế và thời gian xây dựng). Sau khi cải tạo sửa chữa kho có tính cơ động cao, thuận lợi cho việc bốc xếp hàng hóa xuất nhập kho, xe ô tô dễ dàng di chuyển trong kho hơn, giảm thời gian thao tác các thiết bị làm việc nên rút ngắn thời gian nhập và xuất hàng hóa trong kho
- Địa điểm đầu tư: Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò, tỉnh Nghệ An;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có
- Tiến độ thi công hoàn thành: Công trình dự kiến hoàn thành và quyết toán trong năm 2026.

(2) Công trình Nạo vét duy tu Khu nước trước Cảng Bến Thủy với tổng mức đầu tư là 1.127.600.000 đồng,

- Mục tiêu: Nạo vét duy tu Khu nước trước Cảng Bến Thủy;
- Địa điểm: Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Nguồn vốn: Vốn tự có;
- Tiến độ thi công hoàn thành: Công trình đã hoàn thành bước lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật. Công trình dự kiến triển khai từ 1/3/2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng 569	3.229.048.341	3.229.048.341	1.976.189.000	1.976.189.000
- Công ty TNHH PICIFA	1.857.070.190	1.857.070.190	-	-
- Công ty Cổ phần Kho vận Nhật Việt Nghệ An	968.161.680	968.161.680	460.443.960	460.443.960
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Tân Hải	861.473.806	861.473.806	-	-
- Công ty TNHH Thiết bị nâng Hải Phòng	-	-	30.700.000.000	30.700.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng 124	-	-	2.807.563.000	2.807.563.000
- Các đối tượng khác	5.801.927.695	5.801.927.695	2.407.595.980	2.407.595.980
Cộng	12.717.681.712	12.717.681.712	38.351.791.940	38.351.791.940

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Nông lâm sản Bình Phát	140.000.000	140.000.000	-	-
- Công ty TNHH Lao - China Base Petroleum Oil Co.,Ltd	69.281.864	69.281.864	-	-
- Công ty TNHH Frescol Tuna (Việt Nam)	-	-	468.585.000	468.585.000
- Công ty TNHH Anh Tuấn Ngọc	-	-	150.827.330	150.827.330
- Công ty TNHH CLIO Shipping & Logistics Việt Nam - INC	-	-	118.624.746	118.624.746
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải Hoa Phương Nam	-	-	110.484.000	110.484.000
- Các đối tượng khác	168.381.980	168.381.980	265.229.267	265.229.267
Cộng	377.663.844	377.663.844	1.113.750.343	1.113.750.343

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	1.089.415.400	21.618.408.590	21.590.609.927	1.061.616.737
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	14.931.639.785	14.931.639.785	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.089.415.400	5.242.751.912	5.152.235.447	998.898.935
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.444.016.893	1.506.734.695	62.717.802
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.381.363.566	2.381.363.566	-
- Các loại thuế khác	-	117.245.260	117.245.260	-
Cộng	1.089.415.400	24.117.017.416	24.089.218.753	1.061.616.737

	31/12/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu	5.285.645	-	5.285.645	-
- Thuế thu nhập cá nhân	5.285.645	-	5.285.645	-
Cộng	5.285.645	-	5.285.645	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. Vay và nợ thuê tài chính**

Nội dung	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	6.324.000.000	6.324.000.000	38.619.311.227	34.015.311.227	1.720.000.000	1.720.000.000
- Vay ngắn hạn	-	-	28.231.311.227	28.231.311.227	-	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	28.231.311.227	28.231.311.227	-	-
- Chi nhánh Vinh						
- Vay dài hạn đến hạn trả	6.324.000.000	6.324.000.000	10.388.000.000	5.784.000.000	1.720.000.000	1.720.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	6.324.000.000	6.324.000.000	10.388.000.000	5.784.000.000	1.720.000.000	1.720.000.000
- Chi nhánh Vinh (*)						
b) Vay dài hạn	18.212.000.000	18.212.000.000	23.900.000.000	10.388.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	18.212.000.000	18.212.000.000	23.900.000.000	10.388.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000
- Chi nhánh Vinh (*)						
Cộng	24.536.000.000	24.536.000.000	62.519.311.227	44.403.311.227	6.420.000.000	6.420.000.000

(*) Số dư nợ vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31/12/2025 bao gồm:

- i. Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 05/2023/ĐADT/NAP-02 ngày 04/07/2023 với hạn mức tín dụng là 9 tỷ đồng, số tiền vay đến ngày 31/12/2025 là 4.700.000.000 đồng với lãi suất cho vay 8,4%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu, sau thời gian áp dụng lãi suất cố định: lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, bằng đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, áp dụng đối với khách hàng cá nhân của VCB cộng biên độ 2,8%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Mục đích vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò..

Tài sản thế chấp cho khoản vay nêu trên là 01 chân đế cầu và 01 cầu bồng Liebherr loại TCC 230 CBW40/29,5; 01 chân đế di động và 01 cầu bồng Liebherr loại CBW40/29,5 US; 01 cầu bờ di động bánh lốp 100 tấn Model GHMK 3406 nhãn hiệu Terex Gottwald của Đức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)**

- ii. Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 05/2025/DADT/NAP-00 ngày 13/01/2025 với hạn mức tín dụng là 20,4 tỷ đồng, số tiền vay đến ngày 31/12/2025 là 14.976.000.000 đồng với lãi suất cho vay 6,6%/năm, cố định trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu. Sau thời gian áp dụng lãi suất cố định, mức lãi suất được xác định: $\text{Sàn lãi suất cho vay} = \text{Min}(A; B)$ (trong đó: A là lãi suất cho vay theo quy định lãi suất cho vay trung dài hạn thông thường theo quy định của VCB trong từng thời kỳ; B là lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, bằng đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, áp dụng đối với khách hàng cá nhân của VCB cộng biên độ 2,8%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Mục đích vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án đầu tư 02 cần trục chân đế cố định phục vụ sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò.

Tài sản thế chấp cho khoản vay nêu trên gồm: 01 cần cẩu bờ di động bánh lốp 100 tấn, Model GHMK 3406, nhãn hiệu Terex Gottwald, xuất xứ Đức; và 01 cần cẩu quay điện biến tần sức nâng 40 tấn, Model/mã hiệu GLE 4030-2, số serial 63500989, hãng sản xuất Macgregor, sản xuất năm 2022 tại Thụy Điển, được lắp cố định lên móng tại cầu 3 – Cảng Cửa Lò.

- iii. Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 05/2025/DADT/NAP-00 ngày 18/08/2025 với số tiền vay là 5,4 tỷ đồng, số tiền vay đến ngày 31/12/2025 là 4.860.000.000 đồng với lãi suất cho vay 6%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu. Sau thời gian áp dụng lãi suất cố định, mức lãi suất được xác định như sau: Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, bằng đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, áp dụng đối với khách hàng cá nhân của VCB cộng (+) biên độ 3,0%/năm. Kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư 01 Xe nâng chụm Container 45 tấn phục vụ sản xuất kinh doanh tại XNXD Cửa Lò.

Tài sản thế chấp cho khoản vay nêu trên gồm: 01 cần cẩu bờ di động bánh lốp 100 tấn, Model GHMK 3406, nhãn hiệu Terex Gottwald, xuất xứ Đức; và 01 cần cẩu quay điện biến tần sức nâng 40 tấn, Model/mã hiệu GLE 4030-2, số serial 63500989, hãng sản xuất Macgregor, sản xuất năm 2022 tại Thụy Điển, được lắp cố định lên móng tại cầu 3 – Cảng Cửa Lò.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	2.432.750.033	298.296.581
- Kinh phí công đoàn	143.801	123.075.800
- Phải trả về sắp xếp lao động	1.929.183.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	503.423.232	175.220.781
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.432.750.033	298.296.581

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	215.172.000.000	4.845.748.399	21.393.607.483	241.411.355.882
- Lãi trong năm trước	-	-	16.918.982.281	16.918.982.281
- Phân phối lợi nhuận	-	4.943.618.332	(20.564.136.156)	(15.620.517.824)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	4.943.618.332	(4.943.618.332)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.710.197.824)	(2.710.197.824)
+ Chia cổ tức	-	-	(12.910.320.000)	(12.910.320.000)
31/12/2024	215.172.000.000	9.789.366.731	17.748.453.608	242.709.820.339
01/01/2025	215.172.000.000	9.789.366.731	17.748.453.608	242.709.820.339
- Lãi trong năm nay	-	-	24.662.025.241	24.662.025.241
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	2.416.931.793	(16.845.265.639)	(14.428.333.846)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.416.931.793	(2.416.931.793)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.593.873.846)	(2.593.873.846)
+ Chia cổ tức	-	-	(11.834.460.000)	(11.834.460.000)
31/12/2025	215.172.000.000	12.206.298.524	25.565.213.210	252.943.511.734

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01-25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh công bố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số tiền góp vốn VND	Tỷ lệ (%)	Số tiền góp vốn VND	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	109.737.720.000	51,00	109.737.720.000	51,00
- Công ty TNHH Tuấn Lộc Commodities	45.941.560.000	21,35	45.941.560.000	21,35
- Các cổ đông khác	59.492.720.000	27,65	59.492.720.000	27,65
Cộng	215.172.000.000	100	215.172.000.000	100

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	215.172.000.000	74.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	215.172.000.000	74.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.834.460.000	12.910.320.000

18d. Cổ phiếu

	31/12/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.517.200	21.517.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.517.200	21.517.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.517.200	21.517.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.517.200	21.517.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.517.200	21.517.200
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

18e. Các quỹ của Công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	12.206.298.524	9.789.366.731

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại phường Cửa Lò và phường Trường Vinh với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích xây dựng bến cảng xếp dỡ hàng hóa và làm trụ sở Công ty với tổng diện tích đất thuê là 304.597,90 m², thời hạn thuê đất từ 20 năm đến 40 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán (tiếp)

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
- Dollar Mỹ (USD)	403.440,75	191.836,69

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa Lò	232.750.495.430	197.892.338.978
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Bến Thủy	13.492.251.587	10.148.643.519
Cộng	246.242.747.017	208.040.982.497

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp tại Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa Lò	167.516.583.130	143.363.212.939
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp tại Xí nghiệp Xếp dỡ Bến Thủy	12.608.803.229	11.785.047.236
Cộng	180.125.386.359	155.148.260.175

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	240.355.997	366.361.740
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.604.623.306	1.548.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	481.049.189	779.228.685
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	-	73.716.642
Cộng	5.326.028.492	2.767.307.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	1.790.291.935	884.478.346
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	98.530.957	220.785.733
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	12.819.158	-
Cộng	1.901.642.050	1.105.264.079

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	15.141.725.883	13.346.705.216
- Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	1.359.807.700	726.481.593
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	746.752.988	650.148.486
- Trích lập/ (Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(106.619.551)	340.289.657
- Thuế, phí, lệ phí	618.848.932	418.187.754
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.765.415.798	3.237.839.678
- Chi phí khác bằng tiền	18.278.300.977	14.721.799.634
Cộng	39.804.232.727	33.441.452.018

6. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tài sản khác	780.000.000	-
- Các khoản khác	230.913.362	190.270.539
Cộng	1.010.913.362	190.270.539

7. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi nộp phạt vi phạm hành chính về thuế	44.068	101.043.669
- Chi ủng hộ	227.500.000	-
- Các khoản chi phí khác	616.106.514	191.558.157
Cộng	843.650.582	292.601.826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	28.458.505.210	23.075.601.686
- Chi phí nhân công	81.403.343.301	75.704.744.500
- Khấu hao tài sản cố định	34.060.999.903	29.985.582.410
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.152.287.644	36.617.877.408
- Chi phí bằng tiền khác	23.854.483.028	23.205.906.189
Cộng	219.929.619.086	188.589.712.193

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.904.777.153	21.010.982.005
Các khoản chi phí không được trừ	913.605.713	1.070.733.262
- Thù lao thành viên HĐQT và Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	486.000.000	461.677.419
- Chi phí không hợp lệ	414.786.555	571.404.265
- Lỗi đánh giá lại cuối năm các khoản mục tiền, phải thu	12.819.158	-
- Chi phí không hợp lý khác	-	37.651.578
Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN	4.604.623.306	1.621.716.642
- Lãi đánh giá lại cuối năm các khoản mục tiền, phải thu	-	73.716.642
- Cổ tức lợi nhuận được chia	4.604.623.306	1.548.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	26.213.759.560	20.459.998.625
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	5.242.751.912	4.091.999.724
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.242.751.912	4.091.999.724

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
- Lợi nhuận sau thuế (VND)	24.662.025.241	16.918.982.281
- Trích lập các quỹ (VND) (*)	-	5.010.805.639
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (VND)	-	2.416.931.793
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	2.593.873.846
- Lợi nhuận phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu (VND)	24.662.025.241	11.908.176.642
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	21.517.200	21.517.200
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (**)	1.146	553

(*) Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 chưa có căn cứ để trích lập các Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025. Số liệu trích lập sẽ được căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2024 đã được điều chỉnh do Công ty đã thực hiện Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01-25/NQ-DHĐCĐ ngày 18/04/2025.

Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 sau điều chỉnh là 553 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã công bố là 786 VND/CP).

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm tài chính 2025, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Tên Công ty, cá nhân	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH Tuấn Lộc Commodities	Cổ đông lớn
3	Công ty Cổ phần Lai đất và Dịch vụ Hàng hải Cửa Lò	Công ty liên kết
4	Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC (trước đây là Công ty Vận tải biển VIMC)	Cùng công ty mẹ
5	Công đoàn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Cùng công ty mẹ
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế tại Nghệ An	Chi nhánh của Công ty liên kết của Công ty mẹ
7	Công ty Cổ phần VIMC Logistic	Cùng công ty mẹ
8	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Hàng Hải	Cùng công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp)

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:		
- Thu nhập và thù lao của Tổng Giám đốc	828.436.038	703.002.000
- Thu nhập và thù lao của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.772.814.178	2.472.520.161
- Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát	379.492.890	389.330.000
- Thu nhập và thù lao của Kế toán trưởng	446.014.252	351.673.991
Cộng	4.426.757.358	3.916.526.152

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.760.207.692	3.824.801.786
- Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	297.773.942	270.564.659
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Bến Thủy	3.680.377.080	2.548.541.272
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động quốc tế tại Nghệ An	286.526.776	822.056.650
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC (trước đây là Công ty Vận tải biển VIMC)	799.017.416	183.639.205
- Công ty Cổ phần VIMC Logistic	696.512.478	-
Mua dịch vụ từ các bên liên quan	27.200.000	-
- Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	27.200.000	-
Nhận cổ tức	4.604.623.306	1.548.000.000
- Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	4.604.623.306	1.548.000.000
Trả cổ tức	11.872.365.000	6.584.263.200
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	11.872.365.000	6.584.263.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng	29.585.874	70.680.540
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC (trước đây là Công ty Vận tải biển VIMC)	5.364.317	-
- Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	24.221.557	70.680.540
Trả trước cho người bán	151.200.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	151.200.000	-

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Nghệ An, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Trần Lữ Giáp

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Tổng Giám đốc



Bùi Kiều Hưng